

KHOA GIÁO DỤC

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN GIÁO DỤC HỌC
CHUYÊN NGÀNH TÂM LÝ GIÁO DỤC, ÁP DỤNG CHO KHOÁ ĐÀO TẠO
NIÊN KHÓA 2016 – 2020 (Đào tạo theo học chế tín chỉ)**

1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu

Đào tạo cử nhân Giáo dục ngành Tâm lý giáo dục có mục tiêu chung là trang bị kiến thức cốt lõi của khoa học xã hội và nhân văn nói chung cũng như kiến thức nền tảng của khoa học giáo dục riêng và đặc biệt là kiến thức chuyên ngành Tâm lý giáo dục. Sinh viên được trau dồi về các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cũng như kỹ năng xã hội như giao tiếp, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ. Về năng lực, sinh viên được rèn luyện các năng lực ứng dụng trong thực tiễn xã hội và nghề nghiệp như nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lý và quản lý tại các trường học, các trung tâm, hoặc làm việc tại các cơ quan, đoàn thể xã hội. Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học.

1.2. Chuẩn đầu ra:

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức cốt lõi của khoa học xã hội và nhân văn

1.1.1. Hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào nghiên cứu lĩnh vực Tâm lý giáo dục;

1.1.2. Hiểu được kiến thức chung về các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, văn hóa, kinh tế, lịch sử,... để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý con người;

1.1.3. Vận dụng các kiến thức cốt lõi về các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để nghiên cứu chuyên ngành Tâm lý giáo dục.

1.2. Kiến thức nền tảng của khoa học giáo dục

1.2.1. Hiểu được thông tri thức nền tảng về những vấn đề chung của giáo dục và Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung nghiên cứu chuyên ngành Tâm lý giáo dục;

1.2.2. Hiểu được kiến thức về cơ sở sinh học, cơ sở xã hội của tâm lý người; bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội; sự phát triển tâm lý, nhân cách con người.

1.3. Kiến thức chuyên ngành Tâm lý giáo dục

1.3.1. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực nghiên cứu: phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; phương pháp nghiên cứu và đánh giá tâm lý con người.

1.3.2. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực giảng dạy: các cơ sở của việc học tập và giảng dạy; cơ sở khoa học của hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục cũng như những đặc trưng tâm lý của lao động sư phạm.

1.3.3. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực tham vấn tâm lý: các kiến thức về lĩnh vực Tâm lý học lâm sàng và Tâm lý học tham vấn.

1.3.4. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực quản lý giáo dục: các hiện tượng tâm lý trong công tác quản lý, lãnh đạo; những kiến thức cơ bản nhất về nhà trường và quản lý nhà trường; kiến thức về tổ chức lao động và quản lý nhân sự trong cơ quan, trường học.

2. Chuẩn đầu ra về phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp

2.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

2.1.1. Có tinh thần vì cộng đồng, trách nhiệm đối với lợi ích của xã hội;

2.1.2. Tôn trọng và yêu thương con người;

2.1.3. Có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn về chuyên ngành Tâm lý giáo dục cũng như rèn luyện tinh thần tự học, làm chủ bản thân.

2.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

2.2.1. Có lòng yêu thích, coi trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị nghề nghiệp;

2.2.2. Say mê nghiên cứu, chủ động, tích cực đối với việc rèn luyện các phẩm chất của người nghiên cứu Tâm lý giáo dục;

2.2.3. Các phẩm chất nghề nghiệp quan trọng của người cán bộ giảng dạy: thái độ tích cực đối với lao động sư phạm, hứng thú và tình yêu đối với nghề sư phạm;

2.2.4. Tôn trọng và yêu thương con người, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp tham vấn tâm lý (giữ bí mật, vì lợi ích của khách hàng, trung thực, chân thành, lạc quan và tin tưởng khách hàng);

2.2.4. Có lòng say mê làm quản lý, trách nhiệm trong nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách.

2.3. Kỹ năng cá nhân

2.3.1. Kỹ năng tự học, tự hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp

2.3.2. Kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề

2.3.3. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc

2.3.4. Kỹ năng quản lý thời gian

2.3.4. Kỹ năng thuyết trình và nói chuyện trước công chúng

2.4. Kỹ năng nghề nghiệp

2.4.1. Nghiên cứu Tâm lý giáo dục: kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu; kỹ năng xây dựng bộ công cụ nghiên cứu; kỹ năng sử dụng các phương pháp thu thập

thông tin; kỹ năng lập kế hoạch thực hiện; kỹ năng đặt vấn đề, xây dựng giả thuyết; kỹ năng thu thập số liệu, xử lý thông tin; kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu;...

2.4.2. Giảng dạy Tâm lý giáo dục: kỹ năng sử dụng, phối hợp hệ thống các phương pháp và hình thức giảng dạy, giáo dục; kỹ năng sử dụng các phương tiện hiện đại trong giảng dạy; kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm;...

2.4.3. Tham vấn tâm lý - giáo dục: kỹ năng chẩn đoán, đánh giá tâm lý người; kỹ năng tham vấn tâm lý cho cá nhân, nhóm, tham vấn trực tuyến; kỹ năng tiếp cận con người và nhận dạng các cách tiếp cận;...

2.4.4. Quản lý, lãnh đạo: kỹ năng xây dựng kế hoạch đào tạo trong nhà trường; kỹ năng thực hiện những nội dung quản lý trong tổ chức; kỹ năng tư vấn tuyển dụng nhân sự; kỹ năng tâm lý trong tổ chức lao động và quản lý nhân sự;...

3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng xã hội

3.1. Kỹ năng giao tiếp

- 2.3.1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp cơ bản;
- 2.3.2. Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp với cá nhân và nhóm;
- 2.3.3. Kỹ năng giao tiếp qua phương tiện truyền thông - báo chí;
- 2.3.4. Kỹ năng phân tích, đánh giá tình huống, sử dụng các phương tiện giao tiếp;
- 2.3.5. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành.

3.2. Kỹ năng làm việc nhóm

- 2.4.1. Kỹ năng xây dựng và vận hành nhóm làm việc;
- 2.4.2. Kỹ năng thiết lập và duy trì quan hệ với các thành viên trong nhóm làm việc;
- 2.4.3. Kỹ năng làm việc trong nhóm nhỏ và nhóm lớn.

3.3. Kỹ năng sử dụng công nghệ

- 3.2.1. Kỹ năng sử dụng tin học thông dụng trong công việc;
- 3.2.2. Kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học để ứng dụng trong lĩnh vực Tâm lý giáo dục.

4. Chuẩn đầu ra về năng lực ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp và xã hội

4.1. Năng lực nghiên cứu

- 4.1.1. Năng lực thiết kế nghiên cứu lĩnh vực Tâm lý giáo dục;
- 4.1.2. Năng lực triển khai nghiên cứu lĩnh vực Tâm lý giáo dục;
- 4.1.3. Năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu Tâm lý giáo dục trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

4.2. Năng lực giảng dạy

- 4.2.1. Có năng lực sư phạm: sự khéo léo sư phạm trong hình thức và phương pháp, kỹ năng nghề nghiệp dạy học và giáo dục;

4.2.2. Có khả năng vạch ra trước tương lai cho sự phát triển của cá nhân và tập thể;

4.2.3. Có khả năng ảnh hưởng đến nhân cách người khác.

4.3. Năng lực tham vấn tâm lí

4.3.1. Năng lực thông thạo nghề nghiệp tham vấn về chuyên môn và kĩ năng tham vấn tâm lí;

4.3.2. Năng lực nhận dạng và vận dụng các lí thuyết tiếp cận trong tham vấn tâm lí;

4.3.3. Năng lực ứng dụng tri thức, thành quả nghiên cứu với mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, phục vụ cho lợi ích của xã hội.

4.4. Năng lực quản lí

4.4.1. Khả năng thành thạo, am hiểu sâu sắc về tâm lí người lãnh đạo, người lao động và tổ chức;

4.4.2. Năng lực xác định mục tiêu và định hướng hoạt động của tổ chức;

4.4.3. Năng lực cơ bản như: trí tuệ, tổ chức, chuyên môn và giao tiếp.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm đến 6 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 142 tín chỉ (chưa kể Giáo Dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) mới được xét tốt nghiệp.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Đào tạo theo quy trình đào tạo đại học chính quy tập trung.

Đào tạo theo tín chỉ, sinh viên được xét tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình.

6. THANG ĐIỂM:

Thang điểm trên 10, làm tròn đến 0,5.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Khối Kiến Thức Đại Cương

I. Khối Kiến Thức Đại Cương				Ghi chú
1. Khối kiến thức bắt buộc (37 TC)				
STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Chuyên Ngành TLGD	
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	DAI012	2	KH 1, ĐỢT 1

2.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	DAI003	3	HK 4, ĐỢT 2
3.	Lịch sử văn minh thế giới	DAI016	3	HK1, ĐỢT 2
4.	Đại cương khoa học nhận thức		3	HK1, ĐỢT 2
5.	Phương pháp học đại học	GDH051	2	HK 1, ĐỢT 1
6.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	DAI001	2/45 tiết	KH 1, ĐỢT 1
7.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2 3	DAI002	3/60 tiết	HK 2, ĐỢT 1
8.	Tư duy hiệu quả	GDH052	2	HK 2, ĐỢT 2
9.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DAI004	2	HK 4, ĐỢT 1
10.	Pháp luật đại cương	DAI024	2	
11.	Tin học đại cương		3 (SV tự tích lũy)	
12.	Ngoại ngữ		10 (SV tự tích lũy)	
Tổng:			37	
2. Khối kiến thức Tự Chọn (4 TC)				
1.	Kinh tế học đại cương	DAI026	2	
2.	Thực hành văn bản Tiếng Việt	DAI015	2	
3.	Tôn giáo học đại cương	DAI029	2	
4.	Mỹ học đại cương	DAI025	2	
5.	Nhân học đại cương	DAI023	2	
6.	Tiến trình lịch sử Việt Nam	DAI017	3	
7.	Chính trị học đại cương	DAI028	2	

7.2. Khối Kiến thức cơ sở ngành

Các môn học bắt buộc (44 tín chỉ):

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	Sinh lý học thần kinh	GDH031	3	

2.	Tâm lý học đại cương	TLH017	3	60 tiết
3.	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục	GDH058	3	
4.	Giáo dục học đại cương	GDH010	3	
5.	Tham quan thực tế	GDH059	2	
6.	Lý luận dạy học	GDH019	3	
7.	Lý luận Giáo dục	GDH020	3	
8.	Phương pháp NCKH giáo dục	GDH025	3	60 tiết
9.	Giới thiệu ngành Giáo dục học	GDH062	3	
10.	Tâm lý học xã hội	TLH034	3	
11.	Tâm lý học phát triển	TLH028	3	
12.	Tâm lý học thần kinh	TLH031	3	
13.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	GDH037	3	60 tiết
14.	Tiếng Anh cơ sở ngành	GDH072	3	Gộp lại từ Tiếng Anh cơ sở ngành 1 và Tiếng Anh cơ sở ngành 2: 75 tiết.
15.	Lịch sử tâm lý học	TLH007	3	
Tổng:			44	

Các môn học tự chọn (tích lũy tối thiểu 07 tín chỉ):

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	Đại cương Khoa học Quản lý	GDH004	2	
2.	Giáo dục cộng đồng	GDH007	2	

3.	Giáo dục dân số môi trường	GDH008	2	
4.	Giáo dục gia đình	GDH009	2	
5.	Giáo dục suốt đời	GDH012	2	
6.	Lịch sử giáo dục	GDH056	3	
7.	Lý luận giáo dục lại	GDH021	3	
8.	Lý thuyết học tập	GDH045	2	
9.	Tâm lý học sáng tạo		2	Môn mới
10.	Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ		2	

7.3. Khối Kiến thức Chuyên ngành

Các môn học bắt buộc (35 tín chỉ):

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi Chú
1.	Khoa học chẩn đoán tâm lý	TLH003	3	
2.	Tâm bệnh học	TLH013	3	
3.	Tâm lý học giao tiếp	TLH015	3	
4.	Kiến tập nghề nghiệp	GDH060	3	Môn mới bổ sung:90 tiết
5.	Tâm lý học nhân cách	TLH025	3	
6.	Tâm lý học quản lý	TLH029	2	1LT+1TH
7.	Tâm lý học sư phạm	GDH032	3	
8.	Tâm lý và giáo dục giới tính	GDH033	3	
9.	Tham vấn tâm lý 1	GDH041	3	

10.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	GDH053	2 (2TH)	60 tiết
11.	Tiếng Anh chuyên ngành 2	GDH057	2 (2TH)	60 tiết
12.	Thực tập chuyên ngành	GDH036	5	150 tiết
Tổng			35	

Các môn học tự chọn (SV tích lũy tối thiểu 15 tín chỉ):

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi Chú
1.	Công tác Đoàn – Đội	GDH002	2	1TH+1LT
2.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học		3	
3.	Tâm lý học gia đình		3	
4.	Tâm lý học nhận thức		3	
5.	Công tác xã hội	GDH003	2	
6.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006	2	
7.	Công tác xã hội với gia đình và trẻ em	CXH009	2	
8.	Giáo dục đặc biệt		3	
9.	Khoá luận tốt nghiệp (<i>hoặc học bổ túc 10 TC môn tự chọn chuyên ngành</i>)		10	
10.	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng	CXH043	3	
11.	Lý thuyết và kỹ thuật xây dựng test	TLH008	3	
12.	Nhập môn quan hệ công chúng	DAI041	2	
13.	Phương pháp giảng dạy	GDH023	2	
14.	Tâm lý học lệch chuẩn	TLH024	3	
15.	Tâm lý học truyền thông		3	

16.	Tâm lý học lao động		3	
17.	Tâm lý nhân sự	TLH035	3	
18.	Tham vấn học đường		3	
19.	Tham vấn hướng nghiệp		2	
20.	Tham vấn tâm lí 2	GDH042	3	
21.	Trắc nghiệm khách quan	GDH039	2	
22.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	GDH043	2	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Khối kiến thức bắt buộc : Cơ sở ngành (44 TC) Chuyên ngành (35 TC) Khối kiến thức tự chọn: Cơ sở ngành (tối thiểu 7 TC) Chuyên ngành (tối thiểu 15 TC) Ghi chú: 1 tín chỉ lí thuyết =15 tiết; 1 thực hành = 30 tiết						
Học Kỳ	STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Bắt buộc/Tự chọn	
HỌC KỲ 1	1.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	DAI001	3	Bắt buộc	
	2.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	DAI012	2	Bắt buộc	
	3.	Pháp luật đại cương	DAI0	2	Bắt buộc	
	4.	Sinh lý học thần kinh	GDH031	3	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý học đại cương		3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	6.	Tư duy hiệu quả	GDH052	2	Bắt buộc	
	7.	Đại cương khoa học nhận thức	GDH050	3	Bắt buộc	Đợt 2
	8.	Phương pháp học đại học	GDH051	2	Bắt buộc	1 LT + 1 TH

	Tổng Cộng:			20 TC		
HỌC KỲ 2	1.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 3	DAI002	3	Bắt buộc	
	2.	Lịch sử văn minh thế giới	DAI016	3	Bắt buộc	
	3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DAI004	2	Bắt buộc	
	4.	Giáo dục học đại cương	GDH010	3	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý học phát triển	TLH028	3	Bắt buộc	
	6.	Giới thiệu ngành giáo dục học	GDH062	3	Bắt buộc	
	Tổng Cộng:			17 TC		
HỌC KỲ HÈ	1.	Thực hành văn bản tiếng Việt	DAI015	2	Tự chọn	
	2.	Giáo dục cộng đồng	GDH007	2	Tự chọn	
	3.	Phương pháp luận sáng tạo	GDH024	2	Tự chọn	
	Tổng Cộng:			6 TC		
HỌC KỲ 3	1.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DAI003	3	Bắt buộc	
	2.	Lịch Sử Giáo dục	GDH056	3	Tự chọn	
	3.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	GDH037	3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	4.	Lý luận dạy học	GDH019	3	Bắt buộc	
	5.	Tham quan thực tế	GDH059	2	Bắt buộc	2 TH
	6.	Tâm lý học phát triển	TLH028	3	Bắt buộc	
	7.	Giáo dục dân số môi trường	GDH008	2	Tự chọn	
	Tổng Cộng:			BB: 14 TC TC: 5 TC		
HỌC KỲ 4	1.	Tiếng anh cơ sở ngành	Môn mới	3	Bắt buộc	1 LT + 2 TH (SV phải hoàn tất chương trình tiếng Anh không chuyên A2.2)

	2.	Lý luận Giáo dục	GDH020	3	Bắt buộc	
	3.	Phương pháp NCKH giáo dục	GDH025	3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	4.	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục	GDH058	3	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý học quản lý	TLH029	2	Bắt buộc	1 TH + 1 LT
	6.	Tâm lý học giao tiếp	TLH015	3	Bắt buộc	
	7.	Tâm lý học xã hội	TLH034	3	Bắt buộc	
	Tổng Cộng:				20 TC	
HỌC KỲ HÈ	1.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý học		3	Tự chọn	
	2.	Ứng dụng công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ		2	Tự chọn	BM Lưu trữ học - QT văn phòng.
	3.	Giáo dục gia đình	GDH009	2	Tự chọn	
	4.	Lý luận giáo dục lại	GDH021	3	Tự chọn	
	Tổng Cộng:				10 TC	
HỌC KỲ 5	1.	Tiếng anh chuyên ngành 1	GDH053	2	Bắt buộc	2 TH
	2.	Tâm lý sư phạm	GDH032	3	Bắt buộc	
	3.	Tâm lý gia đình	TLH035	3	Tự chọn	
	4.	Tâm lý học nhân cách		3	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý học thần kinh	TLH031	3	Bắt buộc	Đợt 2
	6.	Lịch sử tâm lý học	TLH007	3	Bắt buộc	
	7.	Nhập môn quan hệ công chúng	DAI041	2	Tự chọn	
	8.	Đại cương Khoa học Quản lý	GDH004	2	Tự chọn	

	Tổng Cộng:			BB: 14 TC TC: 7 TC		
HỌC KÌ 6	1.	Tiếng anh chuyên ngành 2	GDH057	2	Bắt buộc	2 TH
	2.	Kiến tập nghề nghiệp	GDH060	3	Bắt buộc	3 TH - ĐỢT 2
	3.	Khoa học chẩn đoán tâm lí	TLH003	3	Bắt buộc	
	4.	Tâm bệnh học	TLH013	3	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý và giáo dục giới tính	GDH033	3	Bắt buộc	
	6.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	GDH043	2	Tự chọn	Đợt 2
	7.	Phương pháp giảng dạy	GDH023	2	Tự chọn	
	8.	Tâm lý học lệch chuẩn	TLH024	3	Tự chọn	
	Tổng Cộng:			BB: 14 TC TC: 7 TC		
HỌC KỲ HÈ	1.	Công tác Đoàn - Đội	GDH002	2	Tự chọn	1 LT + 1TH, Đợt 2
	2.	Tâm lý nhân sự	TLH035	3	Tự chọn	
	3.	Công tác xã hội	GDH003	2	Tự chọn	
	Tổng Cộng:			7 TC		
HỌC KÌ 7	1.	Tham vấn tâm lí 1	GDH041	3	Bắt buộc	
	2.	Tham vấn học đường	GDH040	3	Tự chọn	
	3.	Tâm lý học nhận thức	Môn mới	3	Tự chọn	
	4.	Tham vấn tâm lí 2	GDH042	3	Tự chọn	
	5.	Công tác xã hội với gia đình và trẻ em	CXH009	2	Tự chọn	
	6.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006	2	Tự chọn	

	7.	Khoá luận tốt nghiệp		10	Tự chọn	
	Tổng Cộng:			BB: 3 TC TC: 23 TC		
HỌC KÌ 8	1.	Thực tập chuyên ngành	GDH036	5	Bắt buộc	150 tiết
	2.	Giáo dục đặc biệt	Môn mới	3	Tự chọn	
	3.	Tham vấn hướng nghiệp		2	Tự chọn	
Tổng Cộng:				BB: 5 TC TC: 5 TC		